

Số: 94/2025/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị V**, sinh năm: 1988

Trú tại: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Số căn cước công dân: **019188001771** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/4/2021.

2. Bị đơn: Anh **Đường Văn N**, sinh năm 1986

Trú tại: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Số căn cước công dân: **019086001039** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/4/2021.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/11/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đường Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị V và anh Đường Văn N nhất trí thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Các đương sự xác định, vợ chồng có 01 con chung là Đường Văn H, sinh ngày 11/7/2010 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung là Đường Văn H, sinh ngày 11/7/2010 cho anh Đường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Sau khi ly hôn chị Trần Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Trần Thị V và anh Đường Văn N thống nhất thỏa thuận, hàng tháng chị V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Phương thức cấp d ưỡng: định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

* **Về tài sản chung:** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về vay nợ chung:** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Trần Thị V tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị V đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số **0001935**, ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND khu vực 4 - Thái Nguyên (02b);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- UBND xã Lam Vỹ (nơi đăng ký kết hôn) (01b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lan Anh